

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 03/4/2023
V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Ông Lê Văn Qui

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Mỹ Diện, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 Gia các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1971. Có mặt

Địa chỉ: Ấp 5, xã Thuận H, huyện M, tỉnh HG.

2. *Bị đơn:* Ông Tăng Minh Th, sinh năm: 1970. Vắng mặt

Bà Phan Thị Bé E, sinh năm 1982. Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu vực 4, phường A, thị xã M, tỉnh HG.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Gi. Vắng mặt

Ông Trần Văn H1, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 5, xã Thuận H, huyện M, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Ngày 15/4/2020 bà H có tham gia hội do bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh Th làm chủ, hội 3.000.000 đồng/tháng, có 30 phần tham gia, bà H tham gia 01 phần đóng được 27 kỳ và hốt hội vào kỳ thứ 28 với tổng số tiền là 83.300.000 đồng. Sau đó ông Tăng Minh Th, bà Phan Thị Bé E không chung tiền hội cho bà H mà trừ qua tiền hội của ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Gi là người cùng chơi hội với bà H. Với lý do: Ông Th, bà Bé E cho rằng bà H giới thiệu cho ông H1, bà Gi tham gia chơi hội và ông H1, bà Gi đã hốt hội mà không đóng lại hội chết nên ông Th, bà Em trừ cần qua tiền hội của bà H. Việc ông Th, bà Em khấu trừ hội như vậy làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tăng Minh Th và bà Phan Thị Bé E trả cho bà H số tiền nợ hội là 83.300.000 đồng.

Bị đơn bà Phan Thị Bé E trình bày: Bà Trần Thị Thu H có tham gia hội do bà Bé E làm chủ, hội mở ngày 15/4/2020, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 30 phần tham gia, bà H tham gia 01 chân, bà H đóng được 27 kỳ và hốt hội lần thứ 28 với số tiền 83.300.000 đồng. Do bà H có giới thiệu ông H1 tham gia hội của bà Bé E cùng đây hội với bà H tham gia, ông H1 tham gia 01 chân và đã hốt hội. Sau khi hốt hội ông H1 không đóng lại hội chết cho bà Bé E. Trong sổ ghi hội ghi tên của bà H tham gia 02 chân vì bà H là người giới thiệu cho ông H1 tham gia hội nên bà H phải có trách nhiệm trong việc ông H1 không đóng lại hội chết. Do đó khi bà H hốt hội bà Bé E đã khấu trừ qua số tiền hội mà ông H1 còn nợ là 57.990.000 đồng (trong đó số tiền hội chết ông H1 phải đóng cho bà Bé E là 48.000.000 đồng và 9.990.000 đồng tiền lãi mà bà Bé E đã đóng hội cho ông H1) thì bà Bé E còn phải giao cho bà H số tiền 25.310.000 đồng.

Bà Bé E không đồng ý trả số tiền 83.300.000 đồng theo yêu cầu của bà H, bà Bé E chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 25.310.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tăng Minh Th trình bày: Ông Th là chồng của bà Phan Thị Bé E. Bà H yêu cầu ông Th trả số tiền 83.300.000 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 25.310.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 trình bày: Năm 2020 ông H1 và bà Gi là vợ ông H1 có tham gia

hội do ông Th và bà Bé E làm chủ, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 30 phần tham gia, ông H1 và bà Gi tham gia 01 chân và đã hốt hội với số tiền 59.000.000 đồng. Sau khi hốt hội ông H1 có đóng lại hội chết và còn nợ ông Th, bà Bé E số tiền 27.000.000 đồng. Do dịch bệnh kéo dài nên không có khả năng đóng hội chết cho ông Th, bà Bé E. Bà H là người giới thiệu cho vợ chồng ông H1 tham gia hội của ông Th, bà Bé E nhưng bà H không có lãnh hội cho ông H1. Ông H1 giao dịch hội trực tiếp với ông Th, bà Bé E do đó ông Th, bà Bé E trừ căn tiền hội của bà H qua tiền hội của ông H1 là không đúng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Gi trình bày: Năm 2020 bà Gi và ông H1 chồng bà Gi có tham gia hội do bà Phan Thị Bé E và ông Tăng Minh Th làm chủ, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có 30 phần tham gia, bà Gi tham gia 01 chân và đã hốt hội với số tiền 59.000.000 đồng, sau khi hốt hội bà còn nợ lại ông Th, bà Bé E số tiền 27.000.000 đồng hội chết. Bà H có giới thiệu ông Th và bà Bé E cho bà Gi tham gia hội, sau đó bà gặp trực tiếp ông Th, bà Bé E để giao dịch hội. Ông Th, bà Bé E trừ căn tiền hội của bà H qua tiền hội của bà Gi là không đúng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hội còn nợ là 83.300.000 đồng. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Bị đơn Tăng Minh Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Gi, Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử

vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiền Hnh xét xử vắng mặt bị đơn Tăng Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trần Thị Thu H, ông Tăng Minh Th, bà Phan Thị Bé E có thỏa thuận giao dịch chơi hụi. Ông Th, bà Bé E làm chủ hụi, bà H là hụi viên. Vào ngày 15/7/2020 ông Th, bà Bé E mở dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, có 30 phần, trong đó bà H tham gia 1 phần hụi. Bà H góp hụi được 27 lần (gọi là hụi sống), đến lần thứ 28 thì hốt hụi với số tiền 83.300.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông Th và bà Bé E không giao tiền hụi cho bà H mà trừ cần qua tiền hụi của ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Gi nên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Th, bà Bé E trả lại số tiền hụi còn nợ là 83.300.000 đồng. Ông Th, bà Bé E thừa nhận số tiền hốt hụi của bà H là 83.000.000 đồng nhưng ông Th, bà Bé E không đồng ý chung tiền hụi cho bà H với lý do bà H giới thiệu ông H1 tham gia dây hụi trên, sau khi ông H1 hốt hụi thì không đóng lại hụi chết và hiện nay ông H1 còn nợ lại ông Th, bà Bé E 57.990.000 đồng (trong đó số tiền hụi chết ông H1 phải đóng cho bà Bé E là 48.000.000 đồng và 9.990.000 đồng tiền lãi mà bà Bé E đã đóng hụi cho ông H1). Sau khi cần trừ tiền của ông H1 thì số tiền bà Bé E còn phải giao cho bà H là 25.310.000 đồng. Do đó bà Bé E chỉ đồng ý giao cho bà H số tiền 25.310.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Th, bà Bé E thừa nhận có giao dịch hụi với bà H và còn nợ lại bà H số tiền hốt hụi là 83.300.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc ông Th, bà Bé E không đồng ý giao tiền hụi cho bà H 83.300.000 đồng mà chỉ đồng ý giao cho bà H số tiền 25.310.000 đồng, sau khi đã cần trừ qua tiền hụi của ông H1 còn thiếu ông Th, bà Bé E 57.990.000 đồng (trong đó số tiền hụi chết ông H1 phải đóng cho bà Bé E là 48.000.000 đồng và 9.990.000 đồng tiền lãi mà bà Bé E đã đóng hụi cho ông H1). Xét thấy, theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường quy định nghĩa vụ của chủ họ (hụi) “*Giao các phần họ cho tHnh viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ*”. Do đó bà H là tHnh viên chơi hụi và hốt hụi tại lần mở hụi số 28, với số tiền 83.300.000 đồng thì ông Th, bà Bé E là chủ

hội phải có trách nhiệm giao hội cho bà H theo đúng như thỏa thuận. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/02/2023 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H1, bà Gi trình bày có tham gia hội do ông Th và bà Bé E làm chủ cùng đây hội với bà H tham gia. Tuy nhiên, bà H là người giới thiệu cho ông H1, bà Gi tham gia hội nhưng sau đó việc giao dịch hội trực tiếp Gia ông H1, bà Gi với ông Th, bà Bé E, bà H không có lãnh hội cho ông H1, bà Gi. Do đó việc cản trở hội của ông H1, bà Gi qua cho bà H là không đúng.

Bà Bé E cho rằng quá trình chơi hội mặc dù cho ông H1, bà Gi tham gia 01 chân nhưng tên trong hợp đồng chơi hội là ghi tên của bà H thì bà H phải có trách nhiệm trong việc ông H1, bà Gi không đóng lại hội chết cho ông Th, bà Bé E. Xét thấy, giao dịch hội trực tiếp Gia ông H1, bà Gi với ông Th, bà Bé E đã được các bên thừa nhận. Việc ông H1, bà Gi không góp hội thì ông Th, bà Bé E có quyền yêu cầu ông H1 bà Gi trả lại phần hội còn thiếu theo điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, bêu, phường. Việc ông Th, bà Bé E không chung hội cho bà H mà cản trở qua tiền hội của ông H1, bà Gi làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H là không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa, qua phân tích và động viên bà Bé E đồng ý trả cho bà H số tiền hội còn nợ là 83.300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những cơ sở trên, bà Trần Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tăng Minh Th và bà Phan Thị Bé E trả lại số tiền hội còn nợ 83.300.000 đồng là có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

Tách phần tiền nợ hội của ông H1, bà Gi ra giải quyết tHnh vụ kiện dân sự khác khi ông Th, bà Bé E có yêu cầu.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Tăng Minh Th, Phan Thị Bé E phải chịu số tiền 4.165.000 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn Trần Thị Thu H được nhận lại số tiền tạm

ứng án phí đã nộp 2.085.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17, Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, bưu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thu H đối với bị đơn Tăng Minh Th, Phan Thị Bé E.

2. Buộc bị đơn Tăng Minh Th, Phan Thị Bé E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị Thu H số tiền hội còn nợ là 83.300.000 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Tăng Minh Th, Phan Thị Bé E phải chịu số tiền 4.165.000 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn Trần Thị Thu H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.085.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004413, ngày 12/10/2022 tại Chi cục thi Hình án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hình án dân sự, thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

4. Nguyên đơn Trần Thị Thu H, bị đơn Phan Thị Bé E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/4/2023). Bị đơn Tăng Minh Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Gi, Trần Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Đình Tiến